

Số: 1035/QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện
Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 7/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao bổ sung dự toán chi thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Căn cứ Công văn số 3440/STC-HCSN ngày 27/11/2024 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc thông báo bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ tiền lương, thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Tổng số tiền là 85.716.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, bảy mươi sáu triệu đồng).

Chi tiết từng đơn vị tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ vào nhiệm vụ, kinh phí được giao thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.Nhung.

GIÁM ĐỐC

Tạ Việt Hùng

Phụ lục

BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024 (Kèm theo Quyết định số 1035/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở GD&ĐT)

TT	Đơn vị	Nhu cầu KP thực hiện CCTL năm 2024	Trừ nguồn CCTL năm 2023 còn dư tại đơn vị	Dự toán CCTL năm 2024 (Nguồn kinh phí chi thường xuyên)	Dự toán CCTL năm 2024 (Nguồn kinh phí chi không thường xuyên)	Dự toán Quỹ tiền thường (Nguồn kinh phí chi không thường xuyên)	Tổng dự toán kinh phí bổ sung
A	B	3	4	5A=3-4	5B=3-4	6	7=5A+5B+6
	Tổng số	75.327	7.195	68.074	58	17.584	85.716
I	Quản lý nhà nước	1.176	0	1.118	58	326	1.444
	<i>Nguồn chi thường xuyên</i>	1.118		1.118			1.118
	<i>Nguồn chi không thường xuyên</i>	58			58	326	326
II	Các đơn vị sự nghiệp công lập	74.151	7.195	66.956		17.258	84.214
	Khối THPT	69.722	6.598	63.124		16.167	79.291
1	Trường THPT Sơn Động số 1	1.991	172	1.819		358	2.177
2	Trường THPT Sơn Động số 2	1.418	75	1.343		252	1.595
3	Trường THPT Sơn Động số 3	837	27	810		153	963
4	Trường THPT Lục Ngạn số 1	2.598	374	2.224		613	2.837
5	Trường THPT Lục Ngạn số 2	1.543	200	1.343		385	1.728
6	Trường THPT Lục Ngạn số 3	1.843	229	1.614		461	2.075
7	Trường THPT Lục Ngạn số 4	1.903	158	1.745		327	2.072
8	Trường THPT Lục Nam	2.507	145	2.362		611	2.973
9	Trường THPT Phương Sơn	1.770	209	1.561		437	1.998
10	Trường THPT Cẩm Lý	1.573	46	1.527		388	1.915
11	Trường THPT Tứ Sơn	2.236	42	2.194		404	2.598

12	Trường THPT Yên Thế	1.836	240	1.596		448	2.044
13	Trường THPT Bồ Hạ	1.710	223	1.487		422	1.909
14	Trường THPT Mỏ Trạng	976	4	972		228	1.200
15	Trường THPT Lạng Giang số 1	2.491	109	2.382		593	2.975
16	Trường THPT Lạng Giang số 2	2.381	262	2.119		587	2.706
17	Trường THPT Lạng Giang số 3	1.775	209	1.566		438	2.004
18	Trường THPT Tân Yên số 1	2.353	196	2.157		577	2.734
19	Trường THPT Tân Yên số 2	2.073	286	1.787		519	2.306
20	Trường THPT Nhã Nam	1.407	60	1.347		347	1.694
21	Trường THPT Hiệp Hoà số 1	2.266	394	1.872		546	2.418
22	Trường THPT Hiệp Hoà số 2	2.354	286	2.068		577	2.645
23	Trường THPT Hiệp Hoà số 3	1.930	220	1.710		474	2.184
24	Trường THPT Hiệp Hòa số 4	1.569	215	1.354		391	1.745
25	Trường THPT Việt Yên số 1	2.167	323	1.844		528	2.372
26	Trường THPT Việt Yên số 2	1.905	139	1.766		470	2.236
27	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1.429	170	1.259		355	1.614
28	Trường THPT Yên Dũng số 1	2.177	183	1.994		531	2.525
29	Trường THPT Yên Dũng số 2	2.159	334	1.825		529	2.354
30	Trường THPT Yên Dũng số 3	1.768	148	1.620		436	2.056
31	Trường THPT Chuyên Bắc Giang	3.240	203	3.037		632	3.669
32	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	2.287	293	1.994		554	2.548
33	Trường THPT Thái Thuận	2.049	198	1.851		496	2.347
34	Trường THPT Giáp Hải	1.737	226	1.511		429	1.940
35	Trường PT DTNT Sơn Động	1.090	0	1.090		212	1.302

36	Trường PT DTNT huyện Lục Ngạn	1.134	0	1.134		218	1.352
37	Trường PT DTNT tỉnh	1.240	0	1.240		241	1.481
	Khối Trung tâm	4.429	597	3.832		1.091	4.923
38	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Sơn Động	334	37	297		82	379
39	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Ngạn	419	55	364		98	462
40	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Nam	486	105	381		119	500
41	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lạng Giang	490	57	433		123	556
42	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Tân Yên	410	91	319		104	423
43	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Yên Dũng	457	18	439		114	553
44	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Việt Yên	470	91	379		114	493
45	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Hiệp Hòa	615	44	571		151	722
46	Trung tâm GDTX - NNTH tỉnh BG	748	99	649		186	835